

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 9 - 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Bùi Đình Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị N, nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố Thầu Đâu, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. nơi ở: Bản Thà Lừa, xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, nơi cư trú: Tổ dân phố Thầu Đâu, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn trình bày:** Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã Dương Quan nay là phường Thủy Nguyên. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Vợ chồng chưa có con chung, về tài sản chung chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:** Đồng ý với điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không

còn nên đồng ý ly hôn với chị N. Vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung nên anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã T hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T, về tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã Dương Quan nay là phường Thuỷ Nguyên, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bị đơn hiện đang cư trú tại phường Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống chị N và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp. Anh T và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị N.

[4] Về con chung: Các đương sự trình bày vợ chồng chưa có con chung.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0010615 ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND P. Thủy Nguyên  
(Giấy CNKH số 22/2020);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai**

